PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1744/2008/QĐ-BKH

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 67 và khoản 3 Điều 76 của Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc

MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU GÓI THẦU XÂY LẮP QUY MÔ NHỎ

(ban hành kèm theo Quyết định số 1744/2008/QĐ-BKH ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Mẫu hồ sơ mời thầu này được áp dụng cho gói thầu xây lắp quy mô nhỏ có tính chất kỹ thuật đơn giản, thông thường theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng (Nghị định số 58/CP) khi thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế trong nước. Trường hợp thực hiện theo các hình thức lựa chọn nhà thầu khác (không phải là đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế), chủ đầu tư có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu này để áp dụng cho phù hợp. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu này, hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Để đảm bảo tuân thủ quy định về thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 12 ngày, chủ đầu tư có thể phê duyệt đồng thời danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và danh sách xếp hạng nhà thầu đối với gói thầu xây lắp quy mô nhỏ áp dụng Mẫu này.

Khi áp dụng Mẫu này, chủ đầu tư có thể sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tính chất của mỗi gói thầu, song các nội dung sửa đổi, bổ sung không được trái quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu. Việc đưa ra các yêu cầu trong HSMT phải trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Trong Mẫu này, những chữ *in nghiêng* là nội dung mang tính hướng dẫn, minh họa và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa tùy theo yêu cầu và tính chất từng gói thầu.

Trong quá trình áp dụng Mẫu này, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, chỉnh lý.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU GÓI THẦU XÂY LẮP QUY MÔ NHỎ

(Tên gói thầu)

(Tên dự án)

(Tên chủ đầu tư)

....., ngày.... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI THẦU
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Phần thứ nhất. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn đối với nhà thầu

A. Tổng quát

B. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu

C. Nộp hồ sơ dự thầu

D. Mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu

E. Trúng thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

Chương IV. Giới thiệu về gói thầu

Chương V. Bảng tiên lượng

Chương VI. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Chương VII. Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Chương VIII. Các bản vẽ

Phần thứ ba. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương IX. Điều kiện của hợp đồng

Chương X. Mẫu về hợp đồng

Các ví dụ.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Gói thầu ODA	Là gói thầu sử dụng vốn vay ODA từ các nhà tài trợ
Nghị định số 58/CP	Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng.

Phần thứ nhất
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung đấu thầu

1. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu..... *(nêu tên gói thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt)* thuộc dự án..... *(nêu tên dự án được duyệt)*. Nội dung công việc chủ yếu:..... *(nêu nội dung công việc chủ yếu)*.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng:..... *(nêu thời gian cụ thể theo kế hoạch đấu thầu được duyệt)*.

3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu:..... *(nêu rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt)*.

Mục 2. Điều kiện tham gia đấu thầu

1. Có tư cách hợp lệ quy định tại Điều 7 của Luật đấu thầu.

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập.

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 11 của Luật đấu thầu và Điều 3 Nghị định số 58/CP.

4. Đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo Điều 7 của Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn liên quan.

5. Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo Điều 12 của Luật đấu thầu.

Mục 3. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận/mua HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Mục 4. HSMT, giải thích làm rõ HSMT và sửa đổi HSMT

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu để bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu tối thiểu là..... ngày *(nêu số ngày, thông thường từ 4 - 5 ngày)*. Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT trước thời điểm đóng thầu, đảm bảo nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị HSDT.

3. Trường hợp cần thiết phải sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời

hạn nộp HSDT nếu cần thiết), bên mời thầu gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu nhận/mua HSMT trước thời điểm đóng thầu tối thiểu là 3 ngày. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu bằng văn bản hoặc fax là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó.

Mục 5. Khảo sát hiện trường

Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSDT nếu thấy cần thiết. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn để nhà thầu khảo sát hiện trường và không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 6. Ngôn ngữ sử dụng

HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 7. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này.

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu theo quy định tại Mục 10 Chương này.

3. Đề xuất về mặt kỹ thuật theo quy định tại Phần thứ hai của HSMT này.

4. Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 12 Chương này.

5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này.

Mục 8. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải thông báo bằng văn bản tới bên mời thầu. Bên mời thầu xem xét đối với các trường hợp như sau:

- Đối với đấu thầu rộng rãi, chấp nhận sự thay đổi tư cách khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu;

- Đối với đấu thầu hạn chế, tùy từng trường hợp cụ thể mà bên mời thầu xem xét, báo cáo chủ đầu tư quyết định việc chấp nhận hay không chấp nhận thay đổi tư cách của nhà thầu nhưng phải đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong đấu thầu. Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu quyết định của chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp không chấp thuận việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu của nhà thầu thì bên mời thầu phải nêu rõ lý

do phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 9. Đơn dự thầu

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

Mục 10. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:..... *(nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu tại Mục 2 của Chương này, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...).*

2. Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu:

Các hợp đồng tương tự đã thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 3 Chương III và các hợp đồng đang thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 4 Chương III; kê khai cán bộ chủ chốt điều hành thi công tại công trường theo Mẫu số 5 Chương III; khả năng huy động máy móc thiết bị thi công được liệt kê theo Mẫu số 6 Chương III; năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 7 Chương III.

Mục 11. Đề xuất biện pháp thi công trong HSDT

Trong đề xuất về mặt kỹ thuật của mình, nhà thầu đề xuất biện pháp thi công theo đúng yêu cầu của HSMT. Đối với các biện pháp thi công không bắt buộc phải tuân thủ nêu trong HSMT, nhà thầu được đề xuất các biện pháp thi công khác phù hợp với khả năng của mình và tính chất của gói thầu. Đề xuất kỹ thuật của nhà thầu (bao gồm cả biện pháp thi công khác, nếu có) được đánh giá theo TCĐG quy định tại Mục 2 Chương II của HSMT này.

Mục 12. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có).

2. Nhà thầu phải điền đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên lượng, theo Mẫu số 9A và Mẫu số 9B Chương III. Đơn giá dự thầu phải bao gồm các yếu tố:..... *(nêu các yếu tố cấu thành đơn giá dự thầu, chẳng hạn đơn giá dự thầu là đơn giá xây dựng tổng hợp đầy đủ bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy thi công, chi phí trực tiếp khác; chi phí chung; thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công).*

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này trong HSDT để chủ đầu tư xem xét khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Nhà thầu không được tính toán giá trị phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu hoặc phải có mục lục HSDT trong đó có liệt kê thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong Bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên lượng.

4. Đối với gói thầu áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng sẽ không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đối với gói thầu áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá, trong quá trình thực hiện hợp đồng, việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Chương IX ĐKHĐ.

5. Khi phân tích đơn giá, nhà thầu phải điền đầy đủ thông tin phù hợp vào Bảng phân tích đơn giá dự thầu (theo Mẫu số 9C Chương III) và Bảng tính giá vật liệu trong đơn giá dự thầu (theo Mẫu số 9D Chương III).

6. Giá dự thầu được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

Mục 13. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo các yêu cầu sau:

- Biện pháp bảo đảm dự thầu:..... *(Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà nêu cụ thể biện pháp bảo đảm dự thầu theo một hoặc nhiều cách: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Nếu cho phép nhà thầu được thực hiện bảo đảm dự thầu theo biện pháp đặt cọc, ký quỹ thì nêu rõ cách thực hiện. Nếu yêu cầu nộp thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì sử dụng Mẫu số 10 Chương III do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành. Trường hợp quy định thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì cần quy định tính hợp lệ của thư bảo lãnh được xem xét theo quy định về phân cấp ký và phát hành thư bảo lãnh của từng ngân hàng hoặc tổ chức tài chính).*

- Giá trị bảo đảm dự thầu:..... *(nêu số tiền cụ thể với giá trị tuyệt đối bằng*

1% giá gói thầu, được làm tròn số đến đơn vị trăm nghìn đồng).

- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu:..... ngày kể từ thời điểm đóng thầu. *(Ghi rõ số ngày, được xác định bằng thời gian có hiệu lực của HSDT quy định trong Mục 14 Chương này cộng thêm 30 ngày).*

2. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

a) Rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng mà không có lý do chính đáng;

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian ..... *(ghi rõ số ngày, nhưng không quá 30 ngày)* kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 14. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải đảm bảo theo yêu cầu là..... ngày kể từ thời điểm đóng thầu. *(Ghi rõ số ngày tùy thuộc mức độ phức tạp, quy mô của gói thầu, nhưng không nên quy định quá 120 ngày).* HSDT có thời gian có hiệu lực ngắn hơn bị coi là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT nhưng tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày, kèm theo việc yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Mục 15. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và..... bản chụp HSDT *(ghi rõ số lượng yêu cầu nhưng không nên quá 5 bản),* ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ,

chụp thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản chụp có nội dung sai khác so với bản gốc làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 29 Chương này.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Các phần nội dung của HSDT phải được liệt kê theo mục lục. Đơn dự thầu, thư giảm giá, biểu giá chào và các văn bản giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ MỞ THẦU

Mục 16. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định như sau:..... *[Nêu cụ thể cách trình bày, ví dụ: Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDT:*

- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu:.....

- Địa chỉ nộp HSDT (tên, địa chỉ của bên mời thầu):.....

- Tên gói thầu:.....

- Không được mở trước ..... giờ, ngày ..... tháng..... năm..... (ghi theo thời điểm mở thầu)

- "BẢN GỐC" hoặc "BẢN CHỤP".

Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu sửa đổi"].

Mục 17. Thời hạn nộp HSDT

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu:.....giờ, ngày..... tháng..... năm..... *(Nêu cụ thể thời điểm đóng thầu tùy theo yêu cầu của từng gói thầu cho phù hợp, đảm bảo quy định thời gian từ khi phát hành HSMT đến thời điểm đóng thầu tối thiểu là 10 ngày).*

2. Trường hợp cần gia hạn thời hạn nộp HSDT, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSMT. Thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDT phải được đăng tải tối thiểu 1 kỳ trên phương tiện thông tin đại chúng đã đăng tải thông báo mời thầu. Nhà thầu đã

nộp HSDT có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDT của mình (bao gồm cả thời gian có hiệu lực của HSDT). Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".

Mục 18. Rút HSDT

Khi muốn rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị (riêng biệt với HSDT) và gửi tới bên mời thầu, đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu.

Mục 19. Mở thầu

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu vào lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm....., tại..... *(Ghi rõ ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu)* trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu có tên trong danh sách mua HSMT (bao gồm cả nhà thầu thay đổi tư cách tham dự thầu) và nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như nhà thầu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn. HSDT của nhà thầu có văn bản xin rút HSDT đã nộp và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Kiểm tra niêm phong HSDT;

b) Mở HSDT;

c) Đọc và ghi vào biên bản các thông tin chủ yếu:

- Tên nhà thầu;

- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

- Thời gian có hiệu lực của HSDT;

- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;

- Giá dự thầu sau giảm giá ghi trong thư giảm giá (nếu có);

- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có) theo quy định tại Mục 17 Chương này;

- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu cần được đại diện bên mời thầu, đại diện của từng nhà thầu có mặt và đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận. Bản chụp của biên bản mở thầu được gửi cho tất cả nhà thầu nộp HSDT.

5. Sau khi mở thầu, bên mời thầu phải ký xác nhận vào từng trang bản gốc của tất cả HSDT và quản lý theo chế độ hồ sơ "mật". Việc đánh giá HSDT được tiến hành theo bản chụp.

D. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 20. Nguyên tắc làm rõ HSDT

Trong quá trình đánh giá HSDT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDT (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và được thực hiện dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Việc làm rõ HSDT không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

Mục 21. Đánh giá sơ bộ HSDT

1. Bên mời thầu kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDT.

2. HSDT không đáp ứng một trong những điều kiện tiên quyết theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 58/CP sẽ bị loại và không được xem xét tiếp.

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo TCĐG về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Mục 1 Chương II.[1]

Mục 22. Đánh giá về mặt kỹ thuật

Bên mời thầu tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCĐG nêu tại Mục 2 Chương II và đề xuất danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

Mục 23. Đánh giá về mặt tài chính

1. Bên mời thầu tiến hành sửa lỗi (nếu có) theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 58/CP. Sau khi sửa lỗi, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Trường hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

---

[1] Trường hợp đánh giá năng lực và kinh nghiệm sau khi xác định giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thì chuyển khoản này vào cuối Mục 23 Chương này.

2. Bên mời thầu thực hiện hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 58/CP. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

3. Trên cơ sở giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, bên mời thầu đề xuất danh sách xếp hạng nhà thầu theo nguyên tắc: nhà thầu có giá thấp nhất (giá đề nghị trúng thầu) được xếp thứ nhất, nhà thầu có giá thấp tiếp theo được xếp hạng tiếp theo.

E. TRÚNG THẦU

Mục 24. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ.

2. Có kinh nghiệm, năng lực được đánh giá là đáp ứng yêu cầu của HSMT.

3. Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu của HSMT.

4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt (không gồm dự phòng).

Mục 25. Thông báo kết quả đấu thầu

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu).

Mục 26. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT, việc áp giá đối với phần công việc mà tiên lượng tính thiếu so với thiết kế đã được người có thẩm quyền hoặc cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung vào gói thầu. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, chi tiết hóa các nội dung còn chưa cụ thể, khối lượng thừa hoặc thiếu trong bảng tiên lượng mời thầu so với thiết kế do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDT ...

Mục 27. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Chương IX ĐKHĐ để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực

hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 28. Kiến nghị trong đấu thầu

Nhà thầu tham dự thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề khác trong quá trình đấu thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 Luật đấu thầu, Chương X Nghị định số 58/CP.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu:..... (*nêu địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*).

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:..... *(nêu địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ)*.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:..... *(nêu địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ)*.

Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn:..... *(nêu địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ)*.

Mục 29. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ quy định tại Điều 75 của Luật đấu thầu, Chương XI Nghị định số 58/CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định từ Mục 20 đến Mục 23 Chương I. Chương này bao gồm TCĐG về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, TCĐG về mặt kỹ thuật. TCĐG dưới đây chỉ mang tính hướng dẫn. Khi soạn thảo nội dung này cần căn cứ theo tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp. TCĐG phải công khai trong HSMT. Trong quá trình đánh giá HSDT phải tuân thủ TCĐG nêu trong HSMT, không được thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào.

Mục 1. TCĐG về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu

Các TCĐG về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí "đạt", "không đạt". Nhà thầu phải "đạt" cả 3 nội dung nêu tại các khoản 1, 2 và 3 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực.

TCĐG kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu [1]	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm	
	Số lượng hợp đồng xây lắp đã thực hiện có tính chất tương tự [2]..... (mô tả tính chất tương tự)	*Thông thường yêu cầu từ 1 - 3 hợp đồng*
2	Năng lực kỹ thuật	
	2.1. Nhân sự chủ chốt[3]	
	2.2. Thiết bị thi công chủ yếu[4]	
3	Năng lực tài chính	
	3.1. Doanh thu	
	Doanh thu trung bình hàng năm trong thời gian ... (ghi số năm) năm gần đây[5]	
	3.2. Tình hình tài chính lành mạnh:	
	(a) Số năm nhà thầu hoạt động không lỗ trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 3.1 Mục này.	*Từ 1 năm trở lên*
	(b) Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật	*Trong toàn bộ thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 3.1 Mục này*

Ghi chú:

(1) Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà quy định nội dung chi tiết về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu cho phù hợp.

(2) Hợp đồng xây lắp tương tự là hợp đồng trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tương tự về bản chất: có cùng loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng, điều kiện thi công gần giống như công việc xây lắp của gói thầu đang xét.

- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét.

Đối với các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phần công việc xây lắp của hợp đồng trước đó thấp hơn

70% giá trị phần công việc xây lắp của gói thầu đang xét, tuy nhiên vẫn phải yêu cầu nhà thầu đảm bảo có hợp đồng thi công tương tự về bản chất đối với các hạng mục chính của gói thầu.

(3) Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà quy định các nhân sự chủ chốt và kinh nghiệm, năng lực tương ứng như chỉ huy trưởng công trình, đội trưởng thi công... căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng.

(4) Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được xác định theo phạm vi và tính chất của các công tác thi công trong gói thầu. Tùy theo đặc thù của gói thầu mà thiết bị thi công chủ yếu có thể bao gồm thiết bị thi công công tác đất, thiết bị thi công nền, móng ... Đối với mỗi loại thiết bị cần nêu rõ yêu cầu về tính năng kỹ thuật, số lượng. Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh được khả năng huy động được máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

(5) Đối với yêu cầu về doanh thu:

- Thời gian yêu cầu thông thường là 1 - 3 năm.

- Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu tối thiểu đối với doanh thu trung bình hàng năm.

Mức yêu cầu tối thiểu về doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu tính theo trung bình năm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Áp dụng tiêu chí "đạt", "không đạt" đối với TCĐG về kỹ thuật.

Tùy theo tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung về kỹ thuật. Đối với các nội dung được coi là yêu cầu cơ bản của HSMT, chỉ sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt". Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chí "đạt", "không đạt", được áp dụng thêm tiêu chí "chấp nhận được" nhưng không được vượt quá 30% tổng số các nội dung yêu cầu trong TCĐG.

Một HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là "đạt", các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được". Ví dụ về TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"được nêu tại phần Các ví dụ của Mẫu HSMT này.

Trường hợp cho phép nhà thầu chào biện pháp thi công khác biện pháp thi công quy định trong HSMT thì phải quy định rõ cách đánh giá và TCĐG tương ứng.

Chương III
BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 1
ĐƠN DỰ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[ghi tên bên mời thầu]*
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu HSMT và văn bản sửa đổi HSMT số *[ghi số của văn bản bổ sung nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của HSMT với tổng số tiền là *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là..... ngày/tháng *(ghi số ngày hoặc tháng phù hợp với tổng tiến độ thực hiện tất cả các công việc của gói thầu nêu trong HSDT)*.

Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 27 Chương I và Điều 3 Chương IX trong HSMT.

HSDT này có hiệu lực trong thời gian..... ngày, kể từ..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... *[ghi thời điểm đóng thầu]*.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU [1]
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

[1] Trường hợp đại diện theo Pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu số 2. Trường hợp tại Điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Nếu nhà thầu được lựa chọn trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản sao được công chứng, chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại mục 29 Chương I của HSMT này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm...., tại.....

Tôi là *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại *[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* do *[ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của *[ghi tên nhà thầu]*. *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày..... đến ngày.....[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ.... bản, người được ủy quyền giữ..... bản.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu nếu có)	NGƯỜI ỦY QUYỀN (Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại mục 9 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu chỉ áp dụng đối với cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu (nếu có) trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị có cá nhân liên quan được ủy quyền.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 3

KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ ĐÃ THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU [1]

Thông tin về từng hợp đồng cần đảm bảo các nội dung sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[điền tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*	
Ngày ký hợp đồng	*[điền ngày, tháng, năm]*	
Ngày hoàn thành	*[điền ngày, tháng, năm]*	
Giá hợp đồng	*[điền giá hợp đồng]*	
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	*[điền phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]*	*[điền số tiền]*
Tên dự án:	*[điền tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*	
Tên chủ đầu tư:	*[điền tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[điền đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]* *[điền số điện thoại, số fax]* *[điền địa chỉ e-mail đầy đủ, nếu có]*	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại khoản 1 Mục 1 Chương II [2]		
1. Loại, cấp công trình	*[điền thông tin phù hợp]*	
2. Về điều kiện thi công	*[mô tả về điều kiện thi công của công trình]*	
3. Các đặc tính khác	*[điền các đặc tính khác theo Chương VII]*	

Ghi chú:

[1] Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu có liên quan đến các hợp đồng tương tự được kê khai (ví dụ xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng theo các nội dung liên quan trong bảng trên, biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình...). Nếu nhà thầu được lựa chọn trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải

trình bên mời thầu bản sao được công chứng, chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 29 Chương I của HSMT này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 4

KÊ KHAI CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN [1]

Thông tin về từng hợp đồng cần đảm bảo các nội dung sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[điền tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*
Ngày ký hợp đồng	*[điền ngày, tháng, năm]*
Ngày hoàn thành	*[điền ngày, tháng, năm]*
Tên dự án:	*[điền tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*
Tên chủ đầu tư:	*[điền tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*
Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	*[điền số tiền]*
Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	*[điền số tiền và phần trăm]*
Nhân sự đang huy động cho hợp đồng	*[điền số lượng nhân viên, tên các cán bộ giữ chức danh chủ chốt thực hiện hợp đồng]*
Máy móc đang huy động cho hợp đồng	*[điền số lượng máy móc đang huy động để thực hiện hợp đồng]*

Ghi chú:

[1] Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu có liên quan đến các hợp đồng đó (ví dụ xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng theo các nội dung liên quan trong bảng trên). Nếu nhà thầu được lựa chọn trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản sao được công chứng, chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 29 Chương I của HSMT này.

Mẫu số 5

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT ĐIỀU HÀNH THI CÔNG TẠI CÔNG TRƯỜNG [1]

STT	Họ và tên	Chức danh dự kiến cho gói thầu	Kinh nghiệm và năng lực về kỹ thuật và quản lý tương ứng
1			
2			
3			
...			

Ghi chú:

[1] Gửi kèm theo bản chụp văn bằng, chứng chỉ liên quan của từng cán bộ. Nếu nhà thầu được lựa chọn trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản sao được công chứng, chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 29 Chương I của HSMT này.

Mẫu số 6

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DÙNG CHO GÓI THẦU

Loại thiết bị thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê[1]	Chất lượng thực hiện hiện nay

Ghi chú:

(1) Trường hợp thuộc sở hữu của nhà thầu thì cần có giấy tờ chứng minh. Trường hợp thuê máy móc thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (ví dụ: bản chụp hợp đồng hoặc bản cam kết cho thuê ...). Nếu nhà thầu được lựa chọn trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản sao được công chứng, chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 29 Chương I của HSMT này.

Mẫu số 7

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tên nhà thầu:..... *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong..... năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II]*.

Đơn vị tính:.....

TT		Năm	Năm	Năm .....
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai (*Nhà thầu chỉ cần nộp bản chụp của một trong các tài liệu này. Nếu nhà thầu được lựa chọn trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản sao được công chứng, chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 29 Chương I của HSMT này.)*

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật trong ..... năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II]*;

2. Tờ khai tự quyết toán thuế hàng năm theo quy định của pháp luật về thuế (có xác nhận của cơ quan thuế là nhà thầu đã nộp Tờ khai) trong..... năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II]*;

3. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu (nếu có) trong..... năm tài chính gần đây *[ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II]*.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 8

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[1]

STT	Tên nhà thầu phụ (nếu có)[2]	Phạm vi công việc	Khối lượng công việc	Giá trị ước tính	Hợp đồng/văn bản thỏa thuận với nhà thầu chính (nếu có)
1					
2					
...					

Ghi chú:

[1] Trường hợp không sử dụng nhà thầu phụ thì không kê khai vào Mẫu này.

[2] Trường hợp nhà thầu dự kiến được tên nhà thầu phụ thì kê khai vào cột này. Trường hợp chưa dự kiến được thì để trống nhưng nhà thầu phải kê khai phạm vi công việc, khối lượng công việc và giá trị ước tính dành cho nhà thầu phụ.

Mẫu số 9A

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Hạng mục, nội dung công việc	Thành tiền
1	Phần cọc	
2	Phần móng	
	...	
n	Phần hoàn thiện	
Cộng		
Tổng cộng		

Tổng cộng (bằng chữ): .....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 9B

BIỂU CHI TIẾT GIÁ DỰ THẦU

(Lập cho từng hạng mục hoặc từng phần việc)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
...					
Tổng cộng					

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

+ Cột [2] về nội dung công việc: ghi theo các nội dung công việc như bảng tiên lượng mời thầu.

+ Cột [4] về khối lượng: ghi theo đúng khối lượng được nêu trong Bảng tiên lượng mời thầu. Những công việc hoặc khối lượng mà nhà thầu lường trước sẽ phải làm nhưng không có trong Bảng tiên lượng mời thầu hoặc khác với Bảng tiên lượng mời thầu (tăng hoặc giảm khối lượng) thì nhà thầu lập riêng thành 1 bảng, không điền chung vào biểu này.

Mẫu số 9C

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ DỰ THẦU

Hạng mục công việc:.....

Đơn vị tính: .....

TT	Mã hiệu	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Giá	Thành tiền
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP					
I	*Vật liệu*					
1	VL.001	Cát mịn	m^3			
2	VL.002	Gạch chỉ	viên			
...	...	...				
	Cộng vật liệu					
II	*Nhân công*					
1	NC.001	Nhân công 3/7	công			
2	NC.002	Nhân công 3,5/7	công			
...	...	...				
	Cộng nhân công					
III	*Máy*					
1	M.001	Máy trộn vữa 80 lít	ca			
2	M.002	Vận thăng 0,8T	ca			
...	...	...				
	Cộng máy					
IV	*Chi phí trực tiếp khác*					
	Cộng chi phí trực tiếp					
B	CHI PHÍ CHUNG					

TT	Mã hiệu	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Giá	Thành tiền
C	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC					
	Cộng chi phí XD trước thuế					
D	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
	Cộng chi phí XD sau thuế					
E	CHI PHÍ XD NHÀ TẠM TẠI HIỆN TRƯỜNG					
	CỘNG ĐƠN GIÁ DỰ THẦU					

Mẫu số 9D

BẢNG TÍNH GIÁ VẬT LIỆU TRONG ĐƠN GIÁ DỰ THẦU

STT	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Đơn giá gốc của vật liệu	Chi phí đến công trường	Đơn giá tính trong gói dự thầu
1					
2					
...					

Mẫu số 10

BẢO LÃNH DỰ THẦU [1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *(Ghi tên bên mời thầu)*

(Sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc *[ghi tên nhà thầu tham dự thầu]*, sau đây gọi là "nhà thầu", sẽ tham dự đấu thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]*.

Chúng tôi *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính]*, xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự đấu thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSMT.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong.....[2] ngày kể từ thời điểm.....[3]. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì *[ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 13 Chương I.

(3) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 17 Chương I.

Phần thứ hai
YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

Chương IV
GIỚI THIỆU VỀ GÓI THẦU

Chương này cần giới thiệu khái quát về dự án và nêu thông tin về gói thầu như phạm vi công việc của gói thầu, thời hạn hoàn thành, địa điểm xây dựng và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

Chương V
BẢNG TIÊN LƯỢNG

Trong chương này, bên mời thầu liệt kê khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện làm căn cứ để nhà thầu tính toán giá dự thầu.

STT	Hạng mục, nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1				*(Có thể nêu yêu cầu kỹ thuật tham chiếu)*
2				
...				

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời thầu để sửa đổi HSMT và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

Ví dụ về Bảng tiên lượng được nêu tại phần Các ví dụ của mẫu HSMT này.

Ghi chú:

1. Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong dự toán thiết kế để cấu trúc thành bảng tiên lượng, nên rút gọn, đưa danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối lượng liên quan tới biện pháp thi công mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên đưa chi tiết.

2. Danh mục và khối lượng công việc phải phù hợp với nguyên tắc quản lý thanh toán sau này (trọn gói/nghiệm thu theo bản vẽ thi công, theo thực tế,...)

3. Những công việc tương tự hoặc trong chu trình thi công liên tục để hình thành sản phẩm xây lắp thì nên cấu trúc để nhà thầu chào dưới dạng đơn giá tổng hợp.

Chương VI
YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Trong Chương này nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng và tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình (nếu cần).

Chương VII
YÊU CẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT

Để đảm bảo mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu, toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quyết định đầu tư kèm theo các tài liệu hình thành quyết định đầu tư, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ thiết kế và các tài liệu hướng dẫn kèm theo, các quy định pháp luật về đấu thầu.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình.

2. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát.

3. Các yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử).

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt.

5. Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn.

6. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có).

7. Các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

8. Các yêu cầu về an toàn lao động.

9. Các yêu cầu về quản lý chất lượng công trình.

10. Các yêu cầu khác tùy theo đặc thù của gói thầu.

Trong yêu cầu về mặt kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu, không được nêu các yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật tư, thiết bị hoặc nguồn gốc cụ thể của vật tư, thiết bị làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu.

Trường hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật tư, thiết bị từ một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của vật tư, thiết bị thì phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các vật tư, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.

Chương VIII
CÁC BẢN VẼ

Chương này liệt kê các bản vẽ [1]

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
3			
...			

Ghi chú:

[1] *Chủ đầu tư căn cứ pháp luật về xây dựng để đưa ra danh mục các bản vẽ cho phù hợp.*

Phần thứ ba
YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương IX
ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hợp đồng" là sự thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

2. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.

3. "Chủ đầu tư" là..... *(ghi tên chủ đầu tư).*

4. "Nhà thầu" là..... *(ghi tên nhà thầu trúng thầu).*

5. "Tư vấn giám sát" là nhà thầu tư vấn được chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Nhà thầu tư vấn giám sát là..... *(ghi tên tư vấn giám sát).*

6. "Ngày" là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

7. "Thời gian bảo hành công trình xây dựng" là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình do lỗi của nhà thầu.

8. "Công trường" là địa điểm mà chủ đầu tư quy định cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình:..... *(ghi địa điểm công trường).*

Điều 2. Ngôn ngữ sử dụng và Luật áp dụng

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật của Việt Nam.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng:.....

(Tùy theo tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là..... ngày trước khi ký hợp đồng, hoặc sau khi ký hợp đồng nhưng trước ngày hợp đồng có hiệu lực).

- Biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng:.....

(Nêu cụ thể biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. Tùy theo yêu cầu của gói

thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các biện pháp bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Trường hợp nhà thầu phải nộp bảo lãnh thì phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, theo Mẫu số 12 Chương X hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: .... (*nêu số tiền cụ thể với giá trị tuyệt đối bằng 3% giá hợp đồng, được làm tròn số đến đơn vị trăm nghìn đồng).*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày... tháng... năm....

(Tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định).

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng, từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

3. Trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là đặt cọc hoặc ký quỹ, chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn..... *(Ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng. Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn..... ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định).*

Điều 4. Hình thức hợp đồng

Hình thức hợp đồng là..... (*Nêu hình thức hợp đồng theo kế hoạch đấu thầu được duyệt, đồng thời nêu các nguyên tắc thanh toán tương ứng với từng hình thức. Ví dụ:*

a) Đối với phần công việc..... (ghi phần công việc phù hợp) áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói, giá không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Đối với phần công việc..... (ghi phần công việc phù hợp) áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá, nhà thầu được thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc thực tế đã thực hiện để hoàn thành theo đúng thiết kế).

Điều 5. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách

nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Danh sách các nhà thầu phụ bao gồm:..... *(Nêu danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDT. Trường hợp HSDT chưa nêu danh sách nhà thầu phụ thì trước khi ký hợp đồng nhà thầu chính phải đăng ký với chủ đầu tư và ghi cụ thể danh sách nhà thầu phụ trong hợp đồng).*

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá..... giá hợp đồng *(Tùy theo tính chất, quy mô của gói thầu mà ghi phần trăm cho phù hợp).*

3. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.

4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:.... *(Nêu yêu cầu khác về thầu phụ nếu có).*

Điều 6. Nhân sự của nhà thầu

Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong Danh sách cán bộ chủ chốt để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác được chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong trường hợp năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản tương đương hoặc cao hơn các cán bộ được liệt kê trong danh sách. Danh sách cán bộ chủ chốt bao gồm:..... *(Nêu danh sách cán bộ chủ chốt phù hợp với Danh sách cán bộ chủ chốt điều hành thi công tại công trường như kê khai tại Mẫu số 5 Chương III).*

Điều 7. Bồi thường thiệt hại

1. Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho chủ đầu tư, nhân viên của chủ đầu tư và những cá nhân khác không thuộc chủ đầu tư đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay cái chết của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp có thể quy cho chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào (không phải là công trình) xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình,

sửa chữa sai sót, trừ trường hợp có thể quy cho chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho nhà thầu, các nhân viên của nhà thầu và những cá nhân khác không thuộc nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí liên quan đến tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay cái chết được quy cho sự cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng bởi chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư.

Điều 8. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những tình huống thực tiễn xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình sẽ không phải bồi thường thiệt hại hay bị phạt, bị chấm dứt hợp đồng trong những trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 ĐKHĐ.

Điều 9. Bảo hiểm

Yêu cầu về bảo hiểm như sau:..... *(Tùy theo tính chất, quy mô của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả chủ đầu tư và nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...).*

Điều 10. An toàn

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Tư vấn giám sát

1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng với chủ đầu tư.

2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

3. Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư cần thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian..... *(nêu số ngày)* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau:..... *(Nêu cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, cơ quan xử lý tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...).*

Điều 13. Tiến độ thực hiện

1. Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào ngày..... *(nêu ngày tháng giao công trường).*

2. Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày khởi công..... *(nêu ngày dự kiến khởi công).* Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào ngày hoàn thành dự kiến..... *(nêu ngày hoàn thành dự kiến).*

Điều 14. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

a) Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 13;

b) Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 5 mà không có lý do chính đáng;

c) Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;

d) Các trường hợp khác như sau..... *(nêu các trường hợp khác nếu có).*

2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu

hoãn việc khởi công hay làm chậm lại tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

Điều 15. Chất lượng vật tư, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 16. Xử lý sai sót

Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

Điều 17. Biểu giá hợp đồng

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó. (1)

Điều 18. Điều chỉnh giá hợp đồng

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá. Nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá được thực hiện như sau:..... *(Cần quy định rõ nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá. Có thể áp dụng công thức điều chỉnh giá hợp đồng do trượt giá).*

Điều 19. Điều chỉnh hợp đồng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế (đối với phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói) và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng (đối với phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá);

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của hạng mục công việc nào đó;

---

(1) Trường hợp áp dụng hình thức trọn gói, cần quy định thêm: "Khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành theo thiết kế nhiều hơn hoặc ít hơn khối lượng nêu trong biểu giá hợp đồng (nếu có) không làm thay đổi giá hợp đồng."

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng.

3. Trường hợp điều chỉnh hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

Điều 20. Tạm ứng

Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu như sau:..... *(Nêu số tiền tạm ứng, phương thức tạm ứng, cách thức thu hồi dần tiền tạm ứng qua các lần thanh toán bắt đầu ngay khi thanh toán lần đầu và kết thúc khi khối lượng đã thanh toán đạt 80% giá hợp đồng ... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 13 Chương X).*

Điều 21. Thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:

1. Hình thức thanh toán..... *(tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, hoặc séc, hoặc chuyển khoản...).*

2. Thời hạn thanh toán..... *(tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu).*

3. Phương thức thanh toán:

(Căn cứ hình thức hợp đồng quy định tại Điều 4 ĐKHĐ mà quy định cụ thể nội dung này, đồng thời, cần quy định cụ thể về hồ sơ thanh toán)

a) Đối với phần công việc..... *(ghi tên phần công việc phù hợp)* áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói

Việc thanh toán được thực hiện như sau:..... *(tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán ..... lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình).*

Hồ sơ thanh toán cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có) về việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình phù hợp với thiết kế, không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

+ Bảng tính giá đề nghị thanh toán trên cơ sở công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình đã hoàn thành.

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu nêu rõ công việc, hạng mục công việc, công trình đã hoàn thành, giá trị hoàn thành, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

Việc thanh toán cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói không căn cứ theo dự toán cũng như các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về định mức, đơn giá; không căn cứ vào đơn giá trong hóa đơn tài chính đối với các yếu tố đầu vào của nhà thầu như vật tư, máy móc, thiết bị và các yếu tố đầu vào khác.

b) Đối với phần công việc..... *(ghi tên phần công việc phù hợp)* áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá

Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá trong Biểu giá hoặc đơn giá điều chỉnh theo quy định tại Điều 18 ĐKHĐ nhân với khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện. Việc thanh toán được thực hiện theo..... *(ghi số lần thanh toán phù hợp với yêu cầu của gói thầu).*

Hồ sơ thanh toán cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);

+ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);

+ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong Biểu giá hoặc đơn giá điều chỉnh theo quy định tại Điều 18 ĐKHĐ;

+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.

Điều 22. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là..... *(nêu mức phạt)* cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá..... *(nêu tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình).* Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

2. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng được thực hiện như sau:..... *(nêu yêu cầu về phạt hợp đồng trong trường hợp này nếu có).*

3. Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng:..... *(nêu yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng, chẳng hạn phạt khi nhà thầu không đảm bảo chất lượng...).*

Điều 23. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong vòng..... ngày *(nêu số ngày)* kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

Điều 24. Bảo hành công trình

1. Thời gian bảo hành công trình là ..... *(ghi số ngày, tháng, năm theo quy định của pháp luật về xây dựng, thông thường không ít hơn 12 tháng)* được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Mức tiền bảo hành công trình là..... *(nêu số tiền cụ thể theo quy định của pháp luật về xây dựng, thông thường bằng 5% giá hợp đồng).*

3. Biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo hành

(Tùy điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư chọn một trong các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu dưới đây):

a) Chủ đầu tư giữ lại mức tiền bảo hành quy định tại khoản 2 Điều này, trong giai đoạn thanh toán cuối cùng. Nhà thầu chỉ được thanh toán khoản tiền giữ lại khi kết thúc thời gian bảo hành công trình theo khoản 1 Điều này và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành;

b) Nhà thầu nộp tiền bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành vào tài khoản của chủ đầu tư với mức tiền bảo hành quy định tại khoản 2 Điều này. Nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình khi kết thúc thời gian bảo hành công trình theo khoản 1 Điều này và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

- Thời hạn nộp tiền bảo hành công trình:.....

(Tùy theo tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp tiền bảo hành công trình là..... ngày trước khi ký Biên bản nghiệm thu).

c) Nhà thầu nộp thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng (theo Mẫu số 14 Chương X) cho chủ đầu tư với mức tiền bảo hành quy định tại khoản 2 Điều này.

- Thời hạn nộp bảo lãnh bảo hành công trình:.....

(Tùy theo tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo lãnh bảo hành công trình là..... ngày trước khi ký Biên bản nghiệm thu).

4. Trong thời gian bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian..... *(ghi thời gian theo giờ hoặc ngày tùy điều kiện cụ thể của gói thầu)* kể từ khi có thông báo của chủ đầu tư.

5. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư sẽ xác định chi phí khắc phục sai sót và trừ vào mức tiền bảo hành công trình.

Điều 25. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong..... *(nêu số ngày)* khi chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá..... ngày *(nêu số ngày)*;

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác..... *(nêu hành vi khác nếu có).*

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Chương X

MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 11

HỢP ĐỒNG [1]

(Văn bản hợp đồng xây lắp quy mô nhỏ)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng số:.....

Gói thầu:..... *[ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:..... *[ghi tên dự án]*

- Căn cứ [2]..... *(Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11)*

- Căn cứ [2]..... *(Luật đấu thầu số 61/2005/QH11);*

- Căn cứ [2]..... *(Luật xây dựng số 16/2003/QH11);*

- Căn cứ [2]..... *(Nghị định số 58/2008/NĐ-CP);*

- Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu..... và thông báo trúng thầu số..... ngày..... tháng ..... năm..... của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày..... tháng..... năm.....;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *(ghi tên chủ đầu tư)*

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Fax: .....

E-mail: .....

Tài khoản: .....

Mã số thuế:.....

Đại diện là ông/bà: .....

Chức vụ:.....

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số..... ngày..... tháng..... năm..... *(trường hợp được ủy quyền).*

Ghi chú:

(1) Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKHĐ.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành. Đối với gói thầu ODA ghi theo quy định của nhà tài trợ.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[ghi tên nhà thầu trúng thầu]:*

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

E-mail:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

Đại diện là ông/bà:.....

Chức vụ:.....

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số..... ngày..... tháng..... năm..... *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục gồm biểu giá và các nội dung khác nếu có).

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu.

4. ĐKHĐ.

5. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có).

6. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có).

7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong ĐKHĐ.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong ĐKHĐ cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKHĐ.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:..... *(ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng).*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong ĐKHĐ (Điều 21 ĐKHĐ).

Điều 6. Hình thức hợp đồng:.....

(Nêu các hình thức hợp đồng phù hợp với Mục 4 ĐKHĐ).

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:.....

(Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với khoản 2 Mục 1 Chương I HSMT, HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên).

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ..... *(ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng).*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành..... bộ, chủ đầu tư giữ..... bộ, nhà thầu giữ..... bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

(kèm theo hợp đồng số....., ngày..... tháng..... năm.....)

(Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu của HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm biểu giá cho từng hạng mục, nội dung công việc. Tùy tính chất và quy mô của gói thầu mà biểu giá có thể bao gồm nhiều phần: phần công việc áp dụng hình thức trọn gói, phần công việc áp dụng hình thức theo đơn giá...).

Mẫu số 12

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG [1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[ghi tên chủ Đầu tư]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); [2]

Theo quy định trong HSMT *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, *[ghi tên của ngân hàng]* ở *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng* [3]*]* (sau đây gọi là "ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là *[ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày..... tháng..... năm..... [4]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo

lãnh, thì bên mời thầu phải báo cáo người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày.... tháng..... năm.... (sau đây gọi là hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 3 ĐKHĐ.

Mẫu số 13

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....*[ghi tên chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày tháng ký hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong ĐKHĐ, *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "ngân hàng"), theo yêu cầu của chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các ĐKHĐ hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa nhà thầu và chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại điều... của hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày… tháng… năm... [3] hoặc khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Tùy theo điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 20 ĐKHĐ.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành quy định tại Điều 13 ĐKHĐ.

Mẫu số 14

BẢO LÃNH BẢO HÀNH [1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....*[ghi tên chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là "chủ đầu tư")

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày tháng ký hợp đồng]

Theo điều khoản về bảo hành của hợp đồng, *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là "nhà thầu") phải nộp cho chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm trách nhiệm bảo hành công trình của nhà thầu;

Chúng tôi, *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại *[ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "ngân hàng"), theo yêu cầu của chủ đầu tư, cam kết không hủy ngang thanh toán cho chủ đầu tư một khoản tiền không vượt quá *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]* khi nhận được văn bản yêu cầu của chủ đầu tư chứng minh vi phạm của nhà thầu đối với điều khoản về bảo hành của hợp đồng.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với trách nhiệm bảo hành mà nhà thầu thực hiện theo ĐKHĐ và các khoản thanh toán mà ngân hàng thực hiện theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm..... cho đến hết ngày..... tháng..... năm..... [3]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo hành là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 24 ĐKHĐ.

CÁC VÍ DỤ

Ví dụ 1: TCĐG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí "đạt", "không đạt" đối với gói thầu "Cầu 6 - 7 xã Hồng Thủy, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế" thuộc Dự án "Giảm nghèo khu vực miền Trung"

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	*Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công*		
	(a) Giải pháp thi công đối với nền đất, thi công mố M1, T1, T2, T3	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	(b) Biện pháp thi công đắp đê quai	Thực hiện trước khi thi công	Đạt
		Không thực hiện trước khi thi công	Không đạt
	(c) Giải pháp thi công bê tông vòm (kèm bản vẽ)	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	(d) Giải pháp thi công các kết cấu bê tông cốt thép khác, bê tông mặt đường, nền đường, bảo dưỡng kết cấu bê tông cốt thép	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	(đ) Giải pháp chống sạt lở, mái taluy, giải phóng mặt bằng thi công	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	(e) Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công	Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ	Đạt
		Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc biện pháp tổ chức thi công không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ	Không đạt
	(g) Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật	Đạt
		Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt	Không đạt
	(h) Biện pháp thi công, phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa lũ	Có biện pháp khả thi	Đạt
		Không có biện pháp khả thi	Không đạt
2	*Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, bảo hành*		
	(a) Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ngập úng các khu lân cận, chống ồn	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	b) An toàn lao động	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng	Không đạt
	(c) Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	(d) Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành	Có thuyết minh bảo hành theo đúng yêu cầu của HSMT	Đạt
		Không có thuyết minh bảo hành theo đúng yêu cầu của HSMT	Không đạt
3	*Biện pháp bảo đảm chất lượng*		
	Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công,...		Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên		Không đạt
4	*Tiến độ thi công*		
	Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định		Đạt
	Dài hơn số ngày quy định		Không đạt
5	*Hướng dẫn về vận hành, bảo trì cho nhóm quản lý, duy tu bảo dưỡng*		
	Có hướng dẫn kèm theo thuyết minh biện pháp thi công công trình		Đạt
	Có cam kết hướng dẫn sau khi hoàn thành công trình		Chấp nhận được

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Không có hướng dẫn kèm theo thuyết minh biện pháp thi công công trình hoặc không có cam kết hướng dẫn sau khi hoàn thành công trình		Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 được xác định là đạt, tiêu chuẩn 5 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được		Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên		Không đạt

Ví dụ 2: Bảng tiên lượng đối với gói thầu "Thi công hạ tầng khu tái định cư (bao gồm: san nền, đường giao thông, hệ thống điện hạ thế)" thuộc Dự án "Hạ tầng khu tái định cư Mỹ Ổn, xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế"

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1. San nền			
1	Đắp cát công trình	m^3	8.335.36
2. Nền mặt đường			
1	Đào nền đường	m^3	518,16
2	Đắp cát nền đường	m^3	503,74
3	Đệm móng nền đường bằng 50% cát + 50% sạn	m^3	305,2
4	Bê tông nền đường đá 2 x 4 mác 200, xi măng PC30	m^3	557,56
3. Cống vuông tại km0 + 927,9			
1	Đào móng rộng < 3m	m^3	8,00
2	Đệm móng cống bằng 50% cát + 50% sạn	m^3	1,58

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
3	Bê tông lót móng mác 100, sỏi 4 x 6 xi măng PC 30	m^3	0,92
4	Xây móng cống bằng đá hộc VXM mác 75	m^3	7,66
5	Đắp đất 2 bên cống	$100m^3$	0,065
6	Bê tông cống mác 250, đá 1 x 2, xi măng PC 30	m^3	1,75
7	Cốt thép cống d <= 10mm	Tấn	0,163
8	Cốt thép cống 10mm < d <= 18mm	Tấn	0,111
9	Quét nhựa bi tum cống	Ống	5,00
10	Lắp đặt ống cống	Ống	5,00
4. Điện hạ thế			
1	SXLD cột điện, cột BTLT - 10,5A	Cột	10,00
2	Móng MT1	Móng	10,00
3	SXLD xà đỡ	Bộ	10,00
4	SXLD dây AC - A70 (bọc mở)	Km	1,03